

Các yếu tố tác động đến việc tham gia VietGap của hộ trồng thanh long: Nghiên cứu tại huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận

NGUYỄN MINH HÀ

Trường Đại học Mở TP.HCM - ha.nm@ou.edu.vn

NGUYỄN VĂN HÙNG

Ủy ban Nhân dân thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận –
ngvnhung1973@gmail.com

Ngày nhận:

09/01/2016

Ngày nhận lại:

05/06/2016

Ngày duyệt đăng:

06/06/2016

Mã số:

0116-F14-V09

Tóm tắt

Mục tiêu của nghiên cứu nhằm phân tích các yếu tố tác động đến việc tham gia VietGap của hộ trồng thanh long, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển sản xuất thanh long VietGap ở huyện Hàm Thuận Bắc nói riêng và tỉnh Bình Thuận nói chung. Tác giả sử dụng hồi quy Logit với dữ liệu khảo sát 273 hộ trồng thanh long tại huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận năm 2014. Kết quả cho thấy các nhóm biến tác động đến việc tham gia VietGap của các hộ trồng thanh long gồm: Nhóm biến liên quan đến đặc điểm của chủ hộ và hộ gia đình, nhóm biến kì vọng của hộ trồng thanh long theo tiêu chuẩn VietGap, và nhóm biến liên quan đến sự hỗ trợ của Nhà nước đối với hộ trồng thanh long theo VietGap.

Từ khóa:

VietGap, thu nhập hộ, trồng thanh long, nông nghiệp.

Keywords:

VietGAP, household income, dragon fruit cultivation, agriculture.

Abstract

The purpose of this study is to analyze the factors influencing the adoption of VietGAP of dragon fruit growers and thus to propose several implications for the development of dragon fruit cultivation. By using Logit regression technique and a sample of 273 farm households in Ham Thuan Bac District, Binh Thuan Province in 2014, its results indicate that many variables affecting VietGAP adoption comprise those involving householder's/household's characteristics, those relating to household income, those denoting household's expectations for VietGAP, and those directly concerning state support and VietGAP information.

1. Giới thiệu

Bình Thuận được xem là thủ phủ của cây thanh long. Theo Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận, diện tích thanh long toàn tỉnh năm 2014 đạt 24.064 ha. Do tầm quan trọng của cây thanh long, huyện Hàm Thuận Bắc xác định đây là cây lợi thế của huyện. Cuối năm 2014, Hàm Thuận Bắc có 8.002 ha diện tích đất trồng thanh long, đứng thứ hai trong tỉnh với sản lượng 126.350 tấn. Từ năm 2008, sau khi Chính phủ ban hành các văn bản pháp luật quy định về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, UBND tỉnh Bình Thuận đã có nhiều chương trình, quy định khuyến khích đẩy mạnh sản xuất thanh long theo tiêu chuẩn VietGap. Tuy nhiên, qua hơn 6 năm triển khai thực hiện, số hộ tham gia sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap còn ít. Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đến cuối năm 2014, diện tích sản xuất thanh long VietGap của tỉnh chỉ đạt 31,97% diện tích thanh long toàn tỉnh; trong đó, toàn huyện Hàm Thuận Bắc đạt 38,45% diện tích thanh long của huyện. Nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc áp dụng tiêu chuẩn VietGap, nghiên cứu xem xét phân tích các yếu tố tác động đến việc hộ gia đình trồng thanh long theo chuẩn VietGap ở huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đặc biệt tác giả phân tích các yếu tố liên quan đến kì vọng của hộ trồng thanh long đối với VietGap và các chính sách của Nhà nước bằng phương pháp định lượng hồi quy và đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển sản xuất thanh long VietGap ở tỉnh Bình Thuận nói riêng và VN nói chung.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Các khái niệm

Theo FAO, “GAP là quá trình thực hành canh tác, chế biến tại trang trại hướng tới sự bền vững của môi trường, kinh tế và xã hội và kết quả là an toàn và chất lượng của sản phẩm nông nghiệp”. Theo đó, GAP được hiểu là những nguyên tắc được thiết lập nhằm đảm bảo môi trường sản xuất an toàn, sạch sẽ, sản phẩm phải đảm bảo không chứa các tác nhân gây bệnh như chất độc sinh học, hóa chất; theo nghĩa rộng, GlobalGap/EurepGap là một bộ tiêu chuẩn về nông trại được quốc tế công nhận dành cho việc thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP). Theo Quyết định số 379/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau quả tươi của VN (gọi tắt VietGap: Vietnamese Good Agricultural Practices) gồm những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất, thu hoạch, sơ chế bảo đảm an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường

và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm. VietGap cho rau quả tươi an toàn dựa trên cơ sở AseanGap, EurepGAP/ Globalgap và Freshcare, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho rau quả VN tham gia thị trường khu vực ASEAN và thế giới, hướng tới sản xuất nông nghiệp bền vững.

2.2. *Lí thuyết về ứng dụng công nghệ*

Steinermann và cộng sự (2005) cho rằng sản xuất hàng hóa bằng các phương pháp có chi phí thấp nhất (không ứng dụng công nghệ) thì chi phí có thể không bao gồm tất cả những chi phí xã hội của hoạt động sản xuất (tức là việc sản xuất hàng hóa tạo ra ngoại tác tiêu cực đối với xã hội) nên lợi ích kinh tế thực sẽ thấp hơn. Và mọi người trong xã hội ở hiện tại và tương lai đều phải gánh chịu tác động tiêu cực từ việc sản xuất này (tức là phải gánh chịu chi phí ngoại tác này). Việc gánh chịu này theo những cách thức không công bằng vì những người hưởng lợi ích của các phương pháp sản xuất có chi phí thấp có thể không phải là những người gánh chịu chi phí một cách tương xứng.

Solow (1956) lí giải tiến bộ công nghệ cho phép sản lượng trên lao động không ngừng tăng. Khi công nghệ được cải tiến, hiệu quả và năng suất lao động tăng, vì cùng một giá trị lao động bây giờ có thể sản xuất được nhiều sản lượng hơn. Công nghệ có thể tăng lên nhờ những cải tiến như: Các phát minh và quy trình mới, hay theo nguồn vốn con người như: Sự cải thiện về y tế, giáo dục, hay kĩ năng của lực lượng lao động. Theo Manfred (2009), khi vốn tăng, đồng thời vốn con người cũng tăng thì thu nhập tăng. Mô hình này giải thích sự tăng trưởng bền vững dựa trên biến ngoại sinh là thay đổi công nghệ và biến nội sinh là vốn con người. Wharton (1963) cho rằng với tất cả các nguồn lực đầu vào giống nhau, hai nông dân với sự khác nhau về trình độ kĩ thuật nông nghiệp sẽ có kết quả sản xuất khác nhau. Nguồn gốc tăng trưởng kinh tế không chỉ duy nhất là gia tăng vốn sản xuất mà còn phụ thuộc phát triển tiến bộ kĩ thuật, tức trình độ công nghệ.

Như vậy, công nghệ là tập hợp các quy trình, phương pháp, bí quyết, kĩ năng, công cụ và phương tiện để biến đổi các nguồn lực thành sản phẩm hay dịch vụ phục vụ cho sản xuất và đời sống. Công nghệ được coi là sự kết hợp giữa phần cứng và phần mềm. Phần cứng chính là máy móc, nhà xưởng, thiết bị, v.v.. Phần mềm gồm vốn con người, như: Kiến thức, kĩ năng, tay nghề, kinh nghiệm của người lao động, v.v. và tổ chức, như: Quản lí, bố trí, sắp xếp, điều phối, v.v..

2.3. Tổng quan các nghiên cứu trước

Dự án 029/07/VIE của Viện cây ăn quả miền Nam và Viện nghiên cứu cây trồng và thực phẩm New Zealand (2009) đã nghiên cứu mở rộng cơ hội xuất khẩu thanh long cho các hộ nông dân sản xuất nhỏ thông qua thực hành nông nghiệp tốt. Trần Thị Cẩm Nhung (2009) phân tích tình hình sản xuất và tiêu thụ thanh long ở huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang; Trương Hoàng Chinh (2014) đưa ra giải pháp sản xuất và xuất khẩu bền vững cho trái thanh long của tỉnh Long An; và Phạm Thanh Thảo (2012) đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh tiêu thụ thanh long tại bang California. Nhìn chung, các nghiên cứu trước tập trung tiếp cận theo hướng thu nhập của hộ trồng thanh long VietGap. Nghiên cứu này chủ yếu tiếp cận theo hướng các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia VietGap của hộ trồng thanh long bằng mô hình logit, đặc biệt tập trung vào khía cạnh yếu tố kì vọng của hộ trồng thanh long theo VietGap và các yếu tố liên quan đến sự hỗ trợ của Nhà nước. Do đó, tác giả phân thành bốn nhóm các yếu tố tác động đến việc tham gia VietGap của hộ trồng thanh long, trong đó có hai nhóm tương đối giống các nghiên cứu trước là nhóm các yếu tố liên quan đến đặc điểm chủ hộ và hộ gia đình, nhóm các yếu tố có liên quan ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình; hai nhóm còn lại chưa đề cập đến các nghiên cứu trước là nhóm các yếu tố liên quan đến kì vọng của hộ trồng thanh long theo VietGap và nhóm các yếu tố liên quan đến sự hỗ trợ của Nhà nước.

3. Mô hình và dữ liệu nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Để hình thành mô hình nghiên cứu, tác giả dựa vào lí thuyết, các nghiên cứu trước và kết quả nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn các chuyên gia có liên quan là lãnh đạo của địa phương và nông dân trồng thanh long về các yếu tố liên quan đến kì vọng của hộ trồng thanh long theo tiêu chuẩn VietGap và liên quan đến sự hỗ trợ của Nhà nước. Mô hình Logit được áp dụng như sau:

$$L_i = L_n \left[\frac{P_i}{(1-P_i)} \right] = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \dots + \beta_{22} X_{22} + u$$

Trong đó: P_i : Xác suất hộ gia đình trồng thanh long theo VietGap. $(1-P_i)$: Xác suất hộ gia đình trồng thanh long theo kiểu truyền thống. Do đó, nếu hộ gia đình trồng thanh long theo VietGap sẽ nhận giá trị là 1 và ngược lại nhận giá trị là 0.

Các biến độc lập được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1**Tổng hợp các biến**

Các biến		Diễn giải	Nghiên cứu trước	Kì vọng dấu
<i>Đặc điểm chủ hộ và hộ gia đình</i>				
Tuổi của chủ hộ	Đơn vị tính (Đvt): năm		Mpuga (2004, trích dẫn bởi Nguyễn Văn Hoàng, 2013), Đinh Phi Hổ (2008), Nguyễn Trọng Hoài (2010), Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự (2011)	(-)
Giới tính của chủ hộ	Nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là nam, ngược lại nhận giá trị 0		Đinh Phi Hổ (2008), Nguyễn Trọng Hoài (2010)	(+)
Kinh nghiệm làm việc của chủ hộ	Nhận giá trị tương ứng với số năm trồng thanh long của chủ hộ		Bùi Quang Bình (2008), Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự (2011).	(+)
Thành phần dân tộc của chủ hộ	Nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là người Kinh, ngược lại nhận giá trị 0		Phạm Anh Ngọc (2008)	(-)
Trình độ học vấn của chủ hộ	Số năm đi học của chủ hộ		Okurut và cộng sự (2002), Đinh Phi Hổ (2008), Bùi Quang Bình (2008).	(+)
Trình độ học vấn trung bình của hộ	Trình độ học vấn trung bình của hộ, biến được đo lường bằng tổng số năm đi học các thành viên trong hộ/tổng số người trong hộ (Đvt: Năm)		Huỳnh Thanh Phương (2011)	(+)
Quy mô hộ gia đình	Tổng số người trong hộ (Đvt: Người)		Okurut và cộng sự (2002), Đinh Phi Hổ (2006)	(-)

Các biến	Diễn giải	Nghiên cứu trước	Kì vọng dấu
Tham gia các hội, đoàn thể	Hộ có tham gia các hội, đoàn thể tại địa phương nhận giá trị 1, ngược lại nhận giá trị 0	Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự (2011)	(+)
<i>Thu nhập của hộ gia đình</i>			
Số lao động trong hộ	Số người trong độ tuổi lao động của hộ tham gia trồng thanh long (Đvt: Lao động)	Shrestha và Eiumnoh (2000)	(+)
Diện tích đất sản xuất của hộ	Diện tích đất trồng thanh long (Đvt: m ²).	Mwanza (2011)	(+)
Thuận lợi tiếp cận giao thông	Khoảng cách từ vị trí đất trồng thanh long của hộ đến đường giao thông được đầu tư cứng hóa theo tiêu chuẩn nông thôn mới (Đvt: m).	Nguyễn Hữu Tín và Phan Thị Giác Tâm (2008)	(+)
Thuận lợi đầu tư điện hạ thế	Tổng số kinh phí đầu tư điện, bình hạ thế của hộ (ĐVT: Triệu đồng)	Nguyễn Hữu Tín và Phan Thị Giác Tâm (2008)	(+)
Thuận lợi tiếp cận thủy lợi	Khoảng cách từ vị trí đất trồng thanh long của hộ đến hệ thống kênh mương đã đầu tư (Đvt: m).	Nguyễn Hữu Tín và Phan Thị Giác Tâm (2008)	(+)
Thu nhập khác của hộ	Thu nhập khác không tính thu nhập từ sản phẩm thanh long trong một năm của hộ (Đvt: Triệu đồng)	Micevska và Rahut (2007), Đinh Phi Hổ và Hoàng Thị Thu Huyền (2010)	(-)
Thu nhập bình quân từ thanh long	Thu nhập bình quân từ sản phẩm thanh long trong một năm của hộ (Đvt: Triệu đồng)	Nghiên cứu định tính	(+)

Các biến	Diễn giải	Nghiên cứu trước	Kì vọng đầu
<i>Kì vọng của hộ trồng thanh long về VietGap</i>			
Kì vọng chi phí	Nếu kì vọng chi phí sản xuất giảm nhận giá trị 1, ngược lại nhận giá trị 0	Nghiên cứu định tính	(+)
Kì vọng năng suất	Nếu kì vọng năng suất thanh long VietGap tăng nhận giá trị 1, ngược lại nhận giá trị 0	Nghiên cứu định tính	(+)
Kì vọng giá bán	Nếu kì vọng giá bán thanh long theo tiêu chuẩn VietGap cao hơn nhận giá trị 1, ngược lại nhận giá trị 0	Nghiên cứu định tính	(+)
Kì vọng thị trường	Nếu kì vọng thị trường tiêu thụ thanh long theo VietGap ổn định và ngày càng phát triển nhận giá trị 1, ngược lại nhận giá trị 0	Nghiên cứu định tính	(+)
Kì vọng khó khăn	Hộ kì vọng trồng thanh long theo VietGap không có nhiều khó khăn nhận giá trị 1, ngược lại nhận giá trị 0	Nghiên cứu định tính	(-)
<i>Về sự hỗ trợ của Nhà nước khi trồng thanh long VietGap</i>			
Hỗ trợ của Nhà nước	Hộ kì vọng trồng thanh long theo VietGap được Nhà nước hỗ trợ nhiều hơn so với trồng thanh long theo kiểu truyền thống nhận giá trị 1, ngược lại nhận giá trị 0	Nghiên cứu định tính	(+)
Có thông tin về VietGap để tham gia	Nếu hộ nhận được thông tin về trồng thanh long theo VietGap thì nhận giá trị 1; ngược lại nhận giá trị 0	Nghiên cứu định tính	(+)

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Tác giả thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua phỏng vấn trực tiếp các hộ gia đình trồng thanh long theo VietGap và theo kiểu truyền thống tại huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Phỏng vấn bằng bảng câu hỏi với 300 hộ, mỗi đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn tiến hành khảo sát ít nhất 30 hộ. Sử dụng phương pháp lấy mẫu xác suất ngẫu nhiên có phân tầng (VietGap hay không VietGap). Số mẫu hợp lệ là 273 hộ (300 hộ được khảo sát) vào năm 2014.

4. Phân tích kết quả

4.1. Thống kê mô tả các biến

Bảng 2

Kết quả thống kê mô tả các biến

Biến	ĐVT	Quan sát	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Tuổi của chủ hộ	Năm	273	24	74	48,55	10,499
Trình độ học vấn của chủ hộ	Năm	273	5	16	9,01	2,953
Kinh nghiệm trồng thanh long của chủ hộ	Năm	273	3	22	7,22	3,326
Trình độ trung bình của hộ	Năm	273	5	15	10,11	2,044
Diện tích đất trồng thanh long	m ²	273	700	12.000	4.640,31	2.355,383
Số lao động của hộ tham gia vào trồng thanh long	Người	273	1	4	2,11	0,717
Quy mô hộ gia đình	Người	273	1	8	4,31	1,161
Thuận lợi tiếp cận giao thông	m	273	0	2.000	332,72	433,459
Thuận lợi đầu tư điện hạ thế	Triệu đồng	273	0	200	72,09	50,905
Thuận lợi tiếp cận hệ thống thủy lợi	m	273	0	500	82,88	133,317
Thu nhập bình quân từ thanh long của hộ	Triệu đồng	273	5	350	91,70	79,773

Biến	ĐVT	Quan sát	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Thu nhập khác bình quân của hộ	Triệu đồng	273	0	100	31,66	23,596

Kết quả thống kê trong Bảng 2 cho thấy đối với tuổi của chủ hộ có sự biến thiên khá lớn; độ tuổi trung bình của chủ hộ trồng thanh long là 48,55 tuổi. Trình độ học vấn trung bình của chủ hộ là 9,01 năm (tương đương hết trung học cơ sở). Kinh nghiệm của chủ hộ trung bình trồng thanh long là 7,22 năm. Diện tích đất trồng thanh long của hộ trung bình là 4.640 m². Quy mô hộ gia đình trong mẫu trung bình là 4,31 người. Trung bình số lao động của hộ tham gia trồng thanh long là 2,11 người, gần 50% số người trong gia đình tham gia vào trồng thanh long, hơn 50% còn lại làm công việc khác. Trung bình một hộ cách hệ thống thủy lợi là 82,88 m. Vị trí trồng thanh long cách đường trung bình khoảng cách từ đất sản xuất đến đường giao thông là 332,72 m. Về đầu tư điện hạ thế trung bình là 72,09 triệu đồng. Đối với khoản thu nhập từ thanh long vào năm 2014 trung bình thu nhập thanh long của hộ là 91,7 triệu đồng. Một hộ trung bình có 4.640m² để trồng thanh long nhưng từng ấy diện tích chỉ tạo ra được thu nhập 91,7 triệu đồng. Thu nhập khác của các hộ trồng thanh long cũng không lớn trung bình thu nhập khác của hộ là 31,66 triệu đồng.

Bảng 3

Kết quả thống kê mô tả các biến định tính

Yếu tố	Tần số	Tần suất
<i>1. Giới tính</i>		
Nữ	82	30
Nam	191	70
Tổng	273	100
<i>2. Dân tộc</i>		
Dân tộc khác	45	16,5
Kinh	228	83,5

Yếu tố	Tần số	Tần suất
<i>3. Tham gia hội đoàn</i>		
Không tham gia	139	50,9
Có tham gia hội đoàn	134	49,1
<i>4. Kỳ vọng chi phí</i>		
Kỳ vọng chi phí ổn định	65	23,8
Kỳ vọng chi phí giảm	208	76,2
<i>5. Kỳ vọng năng suất</i>		
Kỳ vọng năng suất ổn định	71	26
Kỳ vọng năng suất tăng	202	74
<i>6. Kỳ vọng giá bán</i>		
Kỳ vọng giá ổn định	48	17,6
Kỳ vọng giá tăng	225	82,4
<i>7. Kỳ vọng thị trường</i>		
Kỳ vọng ổn định	104	38,1
Kỳ vọng thị trường	169	61,9
<i>8. Kỳ vọng khó khăn</i>		
Kỳ vọng không gặp khó khăn	144	52,7
Kỳ vọng có gặp khó khăn	129	47,3
<i>9. Kỳ vọng hỗ trợ của Nhà nước</i>		
Không có hỗ trợ của Nhà nước	149	54,6
Có hỗ trợ của Nhà nước	124	45,4
<i>10. Tiếp cận thông tin</i>		
Không tiếp cận thông tin	81	29,7
Có tiếp cận thông tin	192	70,3
<i>11. Quyết định tham gia VietGap</i>		
Không tham gia VietGap	151	55,3

Yếu tố	Tần số	Tần suất
Tham gia VietGap	122	44,7
Tổng	273	100,0

4.2. Kết quả phân tích hồi quy

Sau khi xem xét các biến trong mô hình nghiên cứu thông qua ma trận tương quan và kiểm tra hệ số nhân tử phóng đại (VIF) cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến. Tiến hành thực hiện các kiểm định cần thiết như kiểm định mức độ phù hợp tổng quát của mô hình, kiểm định đa cộng tuyến và kiểm định phương sai sai số thay đổi của mô hình. Kết quả có giá trị $-2LL = 49,64418$ của mô hình là không cao lắm, như vậy kết quả đã thể hiện mức độ phù hợp rất tốt của mô hình tổng thể. Kiểm định Hosmer-Lemeshow để kiểm tra sự phù hợp tổng thể của mô hình cho kết quả thống kê Hosmer-Lemeshow bằng 18,36 tương ứng với $Pro>Chi2 = 0,1444 > 0,05$ nên mô hình về tổng thể là phù hợp. Kiểm định phương sai sai số thay đổi, kết quả kiểm định cho thấy giá trị $Prob > chi2 = 0,3327$ nên mô hình không vi phạm hiện tượng phương sai sai số thay đổi.

Bảng 4

Kết quả hồi quy Logit

Số quan sát	= 273	
LR chi2 (21)	= 276,08	
Prob > chi2	= 0,0000	
Pseudo R2	= 0,7355	
Log likelihood	= - 49,644	
VietGap	B	P> z
Dotuoi	0,011	0,762
Gioitinh	0,379***	0,000
Giaoduc	0,023	0,876
Kinhnghiem	0,154	0,172
Trinhdogiadinh	-0,058	0,749
Hoidoan	1,305**	0,035

Quymo	0,019	0,942
Dientich	-0,000	0,811
Solaodong	1,110*	0,062
Giaothong	0,002**	0,026
Dienhathe	-0,035***	0,000
Thuyloi	0,001	0,505
Thunhapthanlong	0,021***	0,001
Thunhapkhac	0,013	0,373
Kyvongchiphi	2,641***	0,001
Kyvongnangsuat	0,359***	0,000
Kyvonggiaban	0,330	0,708
Kyvongthitruong	0,012	0,986
Kyvongkhokhan	0,551***	0,000
HotroNN	2,877***	0,000
Tiepcanthongtin	0,312***	0,001
Constant	-18,393	0,000

Ghi chú: ***, **, * tương ứng với mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%

Kết quả hồi quy logit tại Bảng 4 cho thấy Pseudo $R^2 = 0,7355$. Có nghĩa là các biến độc lập trong mô hình nghiên cứu đã giải thích được 73,55% các yếu tố tác động đến hộ gia đình tham gia trồng thanh long theo VietGap. Tỷ lệ 26,45% còn lại là các yếu tố khác thay đổi tác động đến hộ gia đình trồng thanh long theo VietGap mà mô hình nghiên cứu chưa giải thích được.

Bảng 5

Phân tích tính chính xác dự báo của mô hình

Quan sát		Dự đoán		
		Tham gia VietGap		Tỷ lệ % chính xác
		Có	Không	
Tham gia VietGap	Có	112	10	91,80

	Không	11	140	92,72
Tỉ lệ tổng thể toàn bộ mô hình		122	151	92,31

Bảng 5 cho thấy trong 122 trường hợp quyết định tham gia trồng thanh long theo VietGap, mô hình dự báo sai 10 trường hợp; 112 trường hợp còn lại tương ứng tỉ lệ dự báo đúng là 91,80%. Đối với 151 trường hợp không tham gia trồng thanh long theo VietGap, mô hình đã dự báo đúng 140 trường hợp, tỉ lệ dự báo đúng là 92,72%. Từ đó, tính toán tỉ lệ dự báo đúng của toàn bộ mô hình là 92,31%.

Từ kết quả Bảng 4, phân tích các biến có ý nghĩa trong mô hình như sau:

Các biến có liên quan đến đặc điểm đến chủ hộ và hộ gia đình

Giới tính của chủ hộ (Gioitinh) có ý nghĩa thống kê và hệ số mang dấu dương. Kết quả này thoả kì vọng của mô hình nghiên cứu. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, nếu chủ hộ là nam giới thì khả năng trồng thanh long VietGap nhiều hơn so với chủ hộ là nữ giới. Điều này có ý nghĩa là giới tính quyết định đến việc tham gia trồng thanh long VietGap. Ở các nước đang phát triển, nơi còn có những thành kiến về vai trò của người phụ nữ còn tương đối khắc khe thì giới tính của chủ hộ lại càng có ảnh hưởng; đặc biệt là những vùng nông thôn nghèo, nơi mà phụ nữ ít có cơ hội tiếp cận những việc làm với thu nhập cao mà thường xuyên làm việc nội trợ trong nhà (Nguyễn Trọng Hoài, 2010 và Bùi Quang Bình, 2008). Trên thực tế, tại huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, nếu chủ hộ là nữ thường ít trồng thanh long hơn chủ hộ là nam vì chủ hộ là nữ thường ít có cơ hội tiếp cận những thông tin và kiến thức mới. Vì vậy, chủ hộ là nữ không dễ dàng quyết định tham gia trồng thanh long theo VietGap khi họ biết rằng cần nắm chắc các quy trình sản xuất, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, tự động hóa một vài khâu trong quá trình sản xuất.

Tham gia hội đoàn thể (Hoidoan) có ý nghĩa thống kê và mang dấu dương thoả kì vọng ban đầu, do đó nếu chủ hộ gia đình là thành viên của các hội, đoàn thể tại địa phương thì khả năng trồng thanh long theo VietGap nhiều hơn so với chủ hộ không tham gia hội, đoàn thể. Việc tham gia các đoàn thể chính trị giúp nâng cao khả năng nắm bắt thông tin, đồng thời việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ của địa phương, Nhà nước càng thuận lợi; hơn nữa, khả năng tiếp cận các cơ hội sản xuất nâng cao hiệu quả ngày càng nhiều (Nguyễn Quốc Nghi & cộng sự, 2011). Thực tế cho thấy hộ có tham gia thường được các hội, đoàn thể tại địa phương tuyên truyền vận động nên khả năng tham gia sản xuất thanh long theo VietGap cao hơn; hộ cũng thường xuyên nhận được các

kiến thức, các kỹ năng sản xuất mới; được hỗ trợ vốn vay phát triển sản xuất, hỗ trợ thông tin thường xuyên hơn qua các buổi họp định kỳ hàng tháng của các hội, đoàn thể.

Các biến có ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình.

Số lao động trong hộ gia đình tham gia trồng thanh long (Solaodong) có ý nghĩa thống kê và mang dấu dương thoả kì vọng ban đầu. Nếu hộ gia đình có người trong độ tuổi lao động tăng thêm thì khả năng trồng thanh long VietGap tăng lên. Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Shrestha và Eiumnoh (2000). Thực tế tại huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, hộ có nhiều người trong độ tuổi lao động tham gia trồng thanh long thường có thu nhập cao hơn, do tiết kiệm được chi phí thuê mướn ngoài; kiến thức đa dạng hơn nên có khả năng thử nghiệm trồng thanh long VietGap hơn hộ ít người tham gia trồng thanh long.

Thuận lợi về giao thông (Giaothong) có ý nghĩa thống kê và mang dấu dương thoả kì vọng ban đầu. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, nếu giao thông càng thuận lợi thì khả năng trồng thanh long VietGap tăng lên; nếu vị trí đất trồng thanh long của hộ gần đường giao thông được đầu tư cứng hóa theo tiêu chuẩn nông thôn mới (nhựa hóa hoặc bê tông xi măng), xe ô tô lưu thông thuận lợi thì quyết định đến giảm chi phí, tăng giá bán thanh long cho hộ gia đình. Vị trí đất thuận lợi tiếp cận giao thông càng gần thì khả năng kì vọng tham gia VietGap của hộ trồng thanh long tăng lên. Kết quả nghiên cứu mô hình phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Hữu Tín và Phan Thị Giác Tâm (2008).

Thuận lợi về điện hạ thế (Dienhathe) có ý nghĩa thống kê và mang dấu âm, không thoả kì vọng ban đầu. Kết quả nghiên cứu không phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Hữu Tín và Phan Thị Giác Tâm (2008). Thực tế cho thấy việc đầu tư kinh phí để hạ thế điện nhằm phục vụ chong đèn thanh long trái vụ là rất cao, việc vị trí đất sản xuất ở gần đường dây trung thế hay xa đường dây trung thế không ảnh hưởng nhiều đến kinh phí đầu tư. Đối với ngành điện, việc đầu tư điện hạ thế mất nhiều thời gian cho các thủ tục hành chính; từ lúc lập thủ tục đầu tư cho đến khi hộ được sử dụng điện hạ thế để chong đèn thanh long trái vụ thường là hơn 01 năm, thậm chí có trường hợp kéo dài 02-03 năm. Kèm theo đó, vào mùa chong đèn thanh long trái vụ ngành điện buộc các hộ dân phải trả tiền để ngành điện trang bị các thiết bị để giảm công suất sử dụng còn 50% làm ảnh hưởng nhiều đến suất sinh lợi của các hộ dân trồng thanh long. Các lí do trên cho thấy yếu tố điện hạ thế không tác động gì đến việc trồng hay không trồng thanh long theo VietGap của các hộ dân.

Thu nhập từ thanh long (Thunhapthanhlong) có ý nghĩa thống kê và mang dấu dương thoả kì vọng dấu ban đầu. Trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi, yếu tố thu nhập từ thanh long tăng lên thì khả năng trồng thanh long VietGap tăng lên. Việc sản xuất thanh long theo VietGAP góp phần nâng cao uy tín và chất lượng cho sản phẩm thanh long, tăng thu nhập bền vững cho hộ gia đình.

Các biến kì vọng của hộ trồng thanh long theo VietGap

Kì vọng về chi phí (Kyvongchiphì) có ý nghĩa thống kê và có dấu dương thoả kì vọng ban đầu. Trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi, nếu hộ cho rằng tham gia trồng thanh long VietGap chi phí giảm xuống thì khả năng trồng thanh long VietGap tăng nhiều hơn so với hộ cho rằng chi phí không giảm. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu định tính, các chuyên gia đều cho rằng hầu hết các hộ trồng thanh long theo VietGap đều mong muốn chi phí trong quá trình trồng thanh long giảm, nhất là các khoản như: chi phí chong đèn thanh long trái vụ, chi phí phân bón, lao động. Thực tế cho thấy hộ tham gia trồng thanh long theo VietGap phải thực hành quy trình sản xuất nông nghiệp tốt, ứng dụng công nghệ vào sản xuất.

Kì vọng về năng suất (Kyvongnangsuat) có ý nghĩa thống kê và có dấu dương thoả kì vọng dấu. Nếu hộ cho rằng tham gia trồng thanh long VietGap năng suất sẽ tăng lên thì khả năng trồng thanh long VietGap tăng lên. Kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu định tính; các chuyên gia đều cho rằng các hộ trồng thanh long theo VietGap đều kì vọng năng suất thanh long tăng. Thực tế cho thấy hộ tham gia trồng thanh long theo VietGap phải thực hành quy trình sản xuất nông nghiệp tốt, ứng dụng công nghệ vào sản xuất.

Kì vọng khó khăn khi tham gia VietGap (Kyvongkhokhan) có ý nghĩa thống kê và mang dấu dương không thoả kì vọng ban đầu. Nếu hộ cho rằng tham gia trồng thanh long VietGap sẽ gặp khó khăn thì khả năng trồng thanh long VietGap tăng so với hộ cho rằng không có khó khăn. Các hộ được hỏi trước khi tham gia trồng thanh long VietGap cho rằng khi trồng thanh long theo tiêu chuẩn VietGap thì sẽ có khó khăn, phù hợp với kết quả nghiên cứu định tính. Kết quả này phù hợp với lí thuyết Dwight và cộng sự (2010), đặc điểm nổi bật của công nghệ nông nghiệp truyền thống là nó thay đổi rất chậm. Bởi vậy người nông dân thường không thể phản ứng kịp nếu các phương pháp nông nghiệp liên tục thay đổi, ngược lại họ thường thử nghiệm những kĩ thuật khác nhau trong một thời gian dài cho đến khi tìm ra một phương pháp phù hợp với công nghệ hiện có.

Thực tế tại huyện Hàm Thuận Bắc bằng khảo sát định tính các hộ trồng thanh long, phản ánh: Các hộ đều biết rằng khi trồng thanh long theo VietGap hộ sẽ gặp nhiều khó khăn hơn so với trồng thanh long theo kiểu truyền thống. Mặc dù biết gặp nhiều khó khăn nhưng người trồng thanh long vẫn quyết định tham gia VietGap, có thể do họ kì vọng vào chi phí sản xuất giảm, năng suất trồng sẽ tăng, lợi nhuận tối đa; thậm chí hộ trồng thanh long kì vọng được sự quan tâm hỗ trợ của nhà nước về chính sách, cơ chế, thậm chí là vật chất. v.v..

Về sự hỗ trợ của Nhà nước đối với hộ trồng thanh long theo VietGap

Sự hỗ trợ của Nhà nước (HetroNN) có ý nghĩa thống kê và mang dấu dương cùng kì vọng ban đầu. Kết quả phản ánh nếu hộ cho rằng tham gia trồng thanh long VietGap sẽ được Nhà nước hỗ trợ thì khả năng trồng thanh long VietGap tăng nhiều hơn. Trong thực tế khi các hộ tham gia trồng thanh long theo tiêu chuẩn VietGap chỉ được Nhà nước hỗ trợ các kĩ năng mềm, như: Thông tin thị trường, quy trình trồng thanh long theo hướng sản xuất nông nghiệp tốt, được Nhà nước hỗ trợ thử mẫu đất, mẫu nước, trồng thanh long theo VietGap trên diện tích đất phù hợp với quy hoạch thì Nhà nước ưu tiên đầu tư điện trung thế, đường giao thông cho cộng đồng. Kết quả trên phản ánh mặt trái, người dân thường có tư tưởng trông chờ, ỷ lại sự hỗ trợ của Nhà nước mới tham gia trồng thanh long VietGap chứ không tự nguyện, ý thức được rằng trồng thanh long theo tiêu chuẩn VietGap là nhằm bảo vệ thương hiệu thanh long Bình Thuận, mở rộng thị trường xuất khẩu, phát triển bền vững.

Thông tin VietGap (Tiepcanthongtin) có ý nghĩa thống kê và mang dấu dương thoải kì vọng đầu ban đầu. Nếu hộ có thông tin trước khi tham gia trồng thanh long VietGap thì khả năng trồng thanh long VietGap nhiều hơn. Các hộ được hỏi trước khi tham gia trồng thanh long VietGap đều cho rằng có tiếp cận thông tin về VietGap, khả năng cao hơn các hộ khác, trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi.

Các biến không có ý nghĩa thống kê gồm: Nhóm biến có liên quan đến đặc điểm đến chủ hộ và hộ gia đình như: Độ tuổi, kinh nghiệm, giáo dục, trình độ gia đình. Nhóm biến về thu nhập của hộ gia đình như: Quy mô hộ, diện tích đất trồng thanh long, thuận lợi tiếp cận hệ thống thủy lợi, thu nhập khác bình quân. Nhóm biến kì vọng của hộ trồng thanh long theo VietGap như: Kì vọng của hộ về giá bán, kì vọng của hộ về thị trường.

5. Kết luận và gợi ý một số giải pháp

5.1. Kết luận

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy có 11 yếu tố có ý nghĩa thống kê. Đó là: Nhóm biến có liên quan đến đặc điểm đến chủ hộ và hộ gia đình có biến giới tính của chủ hộ và tham gia hội đoàn thể. Nhóm biến về thu nhập của hộ gia đình có biến số lao động trong hộ gia đình tham gia trồng thanh long; thuận lợi về giao thông; thuận lợi về điện hạ thế và biến thu nhập từ thanh long. Nhóm biến kì vọng của hộ trồng thanh long theo VietGap gồm: Kì vọng về chi phí; kì vọng về năng suất; kì vọng những khó khăn khi tham gia VietGap. Nhóm biến có liên quan đến sự hỗ trợ của Nhà nước đối với hộ trồng thanh long theo VietGap có biến sự hỗ trợ của Nhà nước và biến thông tin VietGap.

5.2. Một số gợi ý giải pháp

Công tác tuyên truyền, vận động đến các địa phương phải phân tích được tầm quan trọng và lợi thế của việc tham gia trồng thanh long VietGap, phải cho người trồng thanh long thấy rằng để bảo vệ thương hiệu cách duy nhất phải trồng thanh long VietGap, v.v.. Bên cạnh đó, phát triển nhiều hơn số đoàn viên, hội viên trong các tổ chức xã hội, nghề nghiệp tại các xã, thị trấn.

Hỗ trợ của Nhà nước: Để thanh long Bình Thuận giữ được thương hiệu, phát triển bền vững, UBND tỉnh cần thực hiện tốt vai trò quản lý nhà nước trên lĩnh vực quy hoạch. Khuyến khích phát triển thanh long tại các vùng phù hợp với quy hoạch được duyệt; đối với các vùng trồng thanh long không tuân thủ quy trình sản xuất thanh long theo VietGap, Nhà nước không bố trí vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng, nhất là điện trung hạ thế. Tạo điều kiện thuận lợi về hạ tầng, đầu tư khoa học kĩ thuật vào các vùng thanh long theo quy hoạch.

Nhà nước cần khảo sát để xây dựng mô hình vườn thanh long VietGap kiểu mẫu tại các địa phương qua đó từng bước mở rộng mô hình. Thường xuyên thông tin, tuyên truyền các mô hình sản xuất thanh long hiệu quả trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức tham quan, nghiên cứu để mở rộng thị trường tiêu thụ.

Dành kinh phí thích đáng cho việc mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm thanh long VietGap, tránh không để phụ thuộc nhiều vào 01 thị trường; quan tâm đến thị trường nội địa, nhất là các siêu thị. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu đồng bộ cho các vùng thanh long phù hợp với quy hoạch phát triển cây thanh long của tỉnh, nhất là giao thông.

Về người trồng thanh long: Các hộ trồng thanh long theo VietGap ngoài tự nguyện thực hiện đúng theo quy trình sản xuất, cam kết thực hiện, kiên quyết không thỏa hiệp với người trồng thanh long truyền thống để cung cấp sản phẩm thanh long không đạt

tiêu chuẩn. Người trồng thanh long từng vùng, tùy quy mô liên kết với nhau để hình thành vùng thanh long theo VietGap, trở thành vùng nguyên liệu rộng lớn đáp ứng tiêu chuẩn sản xuất theo mô hình vùng sản xuất nguyên liệu lớn; qua đó dễ áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đáp ứng yêu cầu phát triển và cung cấp cho các thị trường rộng lớn■

Tài liệu tham khảo

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2008). *Quyết định số 379/QĐ-BNN-KHCN về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau quả tươi của VN*, ban hành ngày 28/01/2008, Hà Nội.
- Bùi Quang Bình. (2008). *Nghiên cứu vốn con người đối với thu nhập của hộ sản xuất cà phê ở Tây Nguyên*. Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.
- Dwight H. P., Steven R., & David L. L. (2010). *Kinh tế học phát triển*. Hà Nội: NXB Thống kê.
- Đinh Phi Hồ & Hoàng Thị Thu Huyền. (2010). Một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ vùng trung du ở tỉnh Phú Thọ. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 236, 6/2010.
- Đinh Phi Hồ. (2008). *Kinh tế học nông nghiệp bền vững*. TP.HCM: NXB Phương Đông.
- Huyện ủy Hàm Thuận Bắc. (2015). *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (khoa X) trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015-2020*.
- Manfred, G. (2009). *Macroeconomics*. Prentic hall.
- Micevska, J. A. (1974). *Schooling experience, and earnings*. National Bureau of Economic Research, Inc.
- Mwanza, J. F. (2011). *Assessment of Factors of household capital/assets that influence income of smallholder farmers under international development enterprises (IDE) in Zambia*. Master thesis. Ghent University, Belgium.
- Nguyễn Hữu Tín & Phan Thị Giác Tâm. (2008). Nghiên cứu ảnh hưởng của tiếp cận cơ sở hạ tầng đến thu nhập của nông hộ ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học An Giang*, Q.1(2008).
- Nguyễn Quốc Nghi, Trần Quế Anh & Bùi Văn Trịnh. (2011). Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Mở TP.HCM*, 5(23), 30-36.
- Nguyễn Trọng Hoài. (2010). *Kinh tế phát triển*. TP.HCM: NXB Lao Động.

- Nguyễn Văn Hoàng. (2013). *Determinants on households' partial credit rationing an analysis from varhs 2008*. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.
- Okurut, F. N., Odwee, J. A. O., & Adebua, A. (2002). Determinants of regional poverty in Uganda. *African Economic Research Consortium Consortium Pour La Recherche Economique En Afrique*, 122, 1-28.
- Phạm Anh Ngọc. (2008). *Phát triển kinh tế hộ nông dân ở huyện Phú Lương trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế*. Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Thái Nguyên.
- Phạm Thanh Thảo. (2012). *Một số giải pháp đẩy mạnh tiêu thụ thanh long tại bang California*. Download từ: <http://123doc.org/document/2993376-mot-so-giai-phap-day-manh-tieu-thu-thanh-long-tai-bang-california-my-pdf.htm>.
- Shrestha, R. P., & Eiumnoh, A. (2000). Determinants of household earnings in rural economy of Thailand. *Asia-Pacific Journal of Rural Development*, 10(1), 27-42.
- Solow, R. M. (1956). Technical change and the aggregate production function. *The Review of Economics and Statistics*, 39(3), 312-320.
- Steinemann, A. C., William, C. A., & James, B. H. (2005). *Microeconomics for Public*. Thomson/South-Western.
- Trần Thị Cẩm Nhung. (2009). *Phân tích tình hình sản xuất và tiêu thụ thanh long ở huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang*. Download từ: <http://text.123doc.org/document/2451245-phan-tich-tinh-hinh-san-xuat-va-tieu-thu-thanh-long-o-huyen-cho-gao-tinh-tien-giang.htm>
- Trương Hoàng Chinh. (2014). *Giải pháp sản xuất và xuất khẩu bền vững cho trái thanh long của tỉnh Long An*. Download từ: <http://text.xemtailieu.com/tai-lieu/giai-phap-san-xuat-va-xuat-khau-ben-vung-cho-trai-thanh-long-cua-tinh-long-an-pdf-74887.html>
- UBND tỉnh Bình Thuận. (2014). *Tình hình kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng năm 2014 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2015*.
- Viện cây ăn quả miền Nam và Viện nghiên cứu cây trồng và thực phẩm New Zealand (2009). *Dự án 029/07/VIE về nghiên cứu mở rộng cơ hội xuất khẩu thanh long cho các hộ nông dân sản xuất nhỏ thông qua thực hành nông nghiệp tốt*. Download từ: <http://text.123doc.org/document/1515303-bao-cao-nghien-cuu-nong-nghiep-mo-rong-co-hoi-xuat-khau-thanh-long-cho-cac-ho-nong-dan-san-xuat-nho-thong-qua-thuc-hanh-nong-nghiep-tot-ms5-pot.htm>
- Wharton, C. R. (1963). Research on agricultural development in Southeast Asia. *Journal of Farm Economics*, 45(5), 1161-1174.